

Số: 203/2024/QĐST - HNGĐ

Ba Tri, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Trần Văn X, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Phan Thị M và ông Trần Văn X. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 30/7/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Quá trình sống chung, bà Phan Thị M và ông Trần Văn X có 02 con chung Trần Văn L, sinh ngày 05/02/2000; Trần Văn T, sinh ngày 18/5/2008. Khi ly hôn, con chung Trần Văn L, sinh ngày 05/02/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét đến.

Ông **Trần Văn X** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Văn T**, sinh ngày 18/5/2008. Điều này là phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Trần Văn X** không yêu cầu bà **Phan Thị M** cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà **Phan Thị M** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ông **Trần Văn X** trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà **M** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Bà **Phan Thị M** và ông **Trần Văn X** khai thống nhất không có.

2.3. Về nợ chung: Bà **Phan Thị M** và ông **Trần Văn X** không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong trường hợp có tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà **Phan Thị M** đồng ý nộp toàn bộ. Số tiền án phí bà **M** phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002364 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Bà **M** được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Thị Yến Nhi

